

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 146/2024/DS-PT.
Ngày: 20-12-2024.
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Văn Thọ**;
bà **Nguyễn Thị Liên**.

- *Thư ký phiên tòa:* bà **Trần Thị Mẫn** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam:* ông **Nguyễn Quang Minh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2024/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2024/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 120/2024/QĐXXPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông **Trần S**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số E đường C, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: bà **Đào Thị Phương T**, sinh năm 1970 và ông **Trần Đào Thảo Đ**, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: Số nhà A đường C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1953.

Địa chỉ: K đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Ông **Trần B**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: E Ấp E, Xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1961.

Địa chỉ: H đường L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Trần Thị B1, sinh năm 1969.

Địa chỉ: K đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, ông B, bà H, bà B1: ông Trần S, sinh năm 1955; địa chỉ: Số E đường C, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bà Phan Thị T1, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số E đường C, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Ông Trần Nhật M, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số E đường C, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

4. Người kháng cáo: bị đơn bà Đào Thị Phương T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Trần S trình bày:

Cha, mẹ ông là ông Trần H1 (*chết năm 2020*) và bà Lê Thị E (*chết năm 2020*) có 07 người con, gồm các ông, bà: T, Trần Thị N, Trần B, Trần Thị H, Trần H2 (*chết năm 1983, không có vợ, con*), Trần Thị B1, Trần H3 (*chết năm 2021, có vợ là Đào Thị Phương T và con là Trần Đào Thảo Đ*).

Tháng 5 năm 2003, ông Trần H1, bà Lê Thị E và các anh chị em trong gia đình họp gia đình thống nhất chia tài sản cho các con, gồm: Trần Thị N, Trần B, Trần Thị H, Trần Thị B1 và Trần H3 mỗi người một thửa đất. Diện tích đất còn lại và tài sản trên đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Trần H1, bà Lê Thị E đến khi nào ông, bà qua đời thì diện tích đất và tài sản trên được giao lại cho vợ chồng con là ông Trần S thừa kế để giữ gìn, thờ phụng ông bà nội và cha mẹ. Năm 2016, ông H1, bà E đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q công nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.155,3 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 832017 ngày 09/3/2016 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 486663 năm 2005.

Sau khi lập Biên bản họp gia đình năm 2003 thì những người có tên trong biên bản được phân chia tài sản đã tiến hành làm thủ tục tách thửa và thực hiện việc nhận tài sản theo quy định pháp luật. Vào ngày 03/12/2022, anh em trong gia đình đã họp để thực hiện di nguyện theo Biên bản họp gia đình vào tháng 5 năm 2003. Các ông, bà: T, Trần Thị N, Trần Thị H, Trần Thị B1 đều thống nhất giao tài sản là nhà, đất theo nội dung Biên bản cuộc họp gia đình cho vợ chồng nguyên đơn được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng. Riêng vợ và con của ông Trần H3 (*đã chết*) là bà Đào Thị Phương T và ông Trần Đào Thảo Đ không đồng ý thực hiện theo Biên bản họp gia đình năm 2003 và yêu cầu được chia thừa kế đối với tài sản đang còn đứng tên quyền sở hữu của ông Trần H1 và bà Lê Thị

E.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho nguyên đơn được hưởng toàn bộ di sản thừa kế của cha mẹ nguyên đơn để lại theo Biên bản cuộc họp gia đình vào tháng 5 năm 2003, gồm: nhà và đất tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 10, tại xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 832017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 09/3/2016*). Nguyên đơn thống nhất với kết quả thẩm định, hiện trạng thực tế theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 21/4/2023 và chỉnh lý bản trích đo địa chính thửa đất số 125, tờ bản đồ số 10 về diện tích vào ngày 09/5/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ2.

Riêng đối với đất trồng lúa tại thửa đất số 226, tờ bản đồ số 10 tại thôn T, xã C, thành phố H (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 486663 do UBND thị xã H, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/12/2005*), diện tích 745m² tại thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, nguyên đơn rút yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản này.

Tại các lời khai có trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Đào Thị Phương T trình bày:

Bà thống nhất với thành phần gia đình như nguyên đơn trình bày. Tại cuộc họp gia đình vào tháng 5 năm 2003, gồm có ông Trần H1, bà Lê Thị E và các con trong gia đình tham gia, trong đó có chồng bà là ông Trần H3, thống nhất chia cho các con, cụ thể: bà Trần Thị N, ông Trần B, bà Trần Thị H, ông Trần H3 (*đã chết*), bà Trần Thị B1, mỗi người một thửa đất, và số đất còn lại vẫn đứng tên bà Lê Thị E và ông Trần H1. Bản thân chồng bà là ông Trần H3 đã nhận tài sản mà cha, mẹ và các anh, chị, em thống nhất phân chia theo Biên bản họp gia đình vào tháng 5 năm 2003. Bên cạnh đó, bà được biết vào ngày 05/12/2017, bà Lê Thị E là mẹ chồng bà có lập di chúc: đối với thửa đất 125, tờ bản đồ số 10 do ông Trần H1 và bà Lê Thị E sở hữu cho Trần Nhật M toàn bộ quyền sử dụng. Bản di chúc này là không đúng quy định pháp luật, bà không có bản chính di chúc này, chỉ có bản photo.

Hiện nay, tài sản mà nguyên đơn đang tranh chấp, đứng tên của ông Trần H1 và bà Lê Thị E, đây là tài sản chưa chia theo quy định pháp luật nên bà đề nghị phân chia theo quy định pháp luật. Bà và con là Trần Đào Thảo Đ là người hưởng thừa kế từ chồng bà là ông Trần H3. Đối với ngôi nhà để lại làm nhà thờ và cây cối trên đất bà không yêu cầu phân chia. Quá trình làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu về chia thừa kế đối với đất trồng lúa tại thửa đất số 226, tờ bản đồ số 10 tại thôn T, xã C, thành phố H (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 486663 do UBND thị xã H, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/12/2005*), bà không có ý kiến gì.

Tại lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Trần Đào Thảo Đ thống nhất với ý kiến của bà Đào Thị Phương T.

Tại lời khai có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần B, bà Trần Thị N, bà Trần Thị B1, bà Trần Thị H và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà là ông Trần S trình bày:

Tại cuộc họp tháng 5 năm 2003, những người được hưởng tài sản gồm: ông Trần B có diện tích 170m²; ông Trần H3 có diện tích 170m², nhưng thực tế diện tích thửa đất là 370m²; bà Trần Thị N có diện tích 269,9m², nhưng thực tế diện tích thửa đất là 389m²; bà Trần Thị H có diện tích 389m²; bà Trần Thị B1 có diện tích 495m².

Các anh, chị, em đã thực hiện việc tách thửa và nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Trần H3 (*chết năm 2021*) là chồng của bị đơn bà Đào Thị Phương T và là cha của bị đơn ông Trần Đào Thảo Đ cũng đã làm thủ tục nhận tài sản theo quy định.

Sau khi ông Trần H1 và bà Lê Thị E chết thì anh em trong gia đình cũng đã thống nhất giao tài sản nhà và đất tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 10, tại xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho vợ chồng nguyên đơn là ông Trần S theo sự thống nhất tại cuộc họp nhưng vợ và con của ông Trần H3 là Đào Thị Phương T và Trần Đào Thảo Đ không đồng ý.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất, giao toàn bộ quyền sử dụng đất của cha mẹ để lại cho vợ chồng ông Trần S và bà Phan Thị T1, tài sản thừa kế gồm: nhà và đất tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 10, tại xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 832017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 09/3/2016*), theo như nội dung Biên bản cuộc họp gia đình vào tháng 5/2003.

Tại lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị T1 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Nhật M trình bày: bà Lê Thị E là bà nội của ông, sau khi bà nội ông chết (năm 2020) thì ông được biết lúc bà nội ông còn sống có lập di chúc để lại phần tài sản của bà cho ông, ông xin khước từ nhận tài sản đối với nội dung di chúc này. Biên bản họp gia đình vào tháng 5 năm 2003, ông không có ý kiến gì và thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông không có tranh chấp gì.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2024/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 157, 158, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 609, 611, 613, 614, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 649, 650, 651, 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 12, 15, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần S về việc chia di sản thừa kế của ông Trần H1 và bà Lê Thị E là nhà và đất tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số 10, tại xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Giao cho ông Trần S và bà Phan Thị T1 được trọn quyền sở hữu, sử dụng quyền sử dụng nhà và thửa đất số 125, tờ bản đồ số 10, diện tích 898,1m² tại xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 832017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 09/3/2016 và diện tích, tứ cận nhà, đất tranh chấp được thể hiện tại bản vẽ kèm theo*).

Ông Trần S và bà Phan Thị T1 có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo quy định.

Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 226, tờ bản đồ số 10 tại thôn T, xã C, thành phố H (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 486663 do UBND thị xã H, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/12/2005*), diện tích 745m², loại đất trồng lúa.

Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn bà Đào Thị Phương T, ông Trần Đào Thảo Đ về việc chia di sản thừa kế của ông Trần H1 và bà Lê Thị E để lại theo quy định pháp luật đối với thửa đất số 125, tờ bản đồ số 10, diện tích 898,1 m² tại xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 832017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 09/3/2016*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/7/2024, bị đơn bà Đào Thị Phương T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Đào Thị Phương T, thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và việc thu thập chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ, cụ thể như sau:

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo di chúc đối với thửa đất số 125, tờ bản đồ số 10, tại xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 832017 ngày 09/3/2016 cho hộ ông Trần H1 và bà Lê Thị E (*nguyên đơn cho rằng Biên bản cuộc họp gia đình lập vào tháng 5 năm 2003 có nội dung ông Trần H1 và bà Lê Thị E di chúc cho vợ chồng nguyên đơn được hưởng thừa kế đối với thửa đất số 125, tờ bản đồ số 10*). Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đào Thị Phương T và ông Trần Đào Thảo Đ có yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với tài sản nêu trên và yêu cầu được nhận hiện vật; xét thấy, đây là yêu cầu phản tố của bị đơn. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành thủ tục xem xét, thụ lý đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, nhưng lại xem xét giải quyết và không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn và buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu không được chấp nhận là không đúng với quy định tại Điều 202 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đào Thị Phương T cung cấp cho Tòa án bản photo “Di chúc” của bà Lê Thị E để lại di sản thừa kế cho ông Trần Nhật M là toàn bộ phần quyền sử dụng đất của bà E đối với thửa đất số 125, tờ bản đồ số 10, tại xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; trong đó, có nội dung: *“Trên đây là di chúc cuối cùng của tôi liên quan đến tài sản nêu trên. Di chúc này hủy bỏ các di chúc mà tôi lập trước thời điểm này”* (được Văn phòng C chứng nhận ngày 05/12/2017). Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu đương sự cung cấp hoặc thu thập bản chính hoặc bản sao “Di chúc” có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận, để từ đó đánh giá tính hợp pháp của “Di chúc” này, làm căn cứ xem xét, giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thuộc trường hợp thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

[2.3] Do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và việc thu thập chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Đào Thị Phương T, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.4] Do Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm nên

không đề cập giải quyết đối với kháng cáo của bị đơn bà Đào Thị Phương T về phần nội dung vụ án.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn Đào Thị Phương T không phải chịu, hoàn trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Đào Thị Phương T, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2024/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn bà Đào Thị Phương T không phải chịu; hoàn trả lại cho bà Đào Thị Phương T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019123 ngày 12/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam (*do Nguyễn Trường Đ1 nộp thay*).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (20/12/2024).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thành phố Hội An;
- Chi cục THADS thành phố Hội An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo